TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST
Ngày 23-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:*** Ông Phạm Văn H.
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
1. Ông Lê Quang T.
2. Bà Vũ Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 23-3-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 25-01-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 08-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Họ và tên: Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Đức D và con bà Trần Thị P; Anh chị em ruột: có 03 người, T là con thứ N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 19-6-2008, bị Tòa án nhân dân Quận B, Thành Phố H xử phạt 30 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20-6-2010; Ngày 17-8-2011, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-8-2012; Ngày 27-6-2013, bị Tòa án nhân tỉnh H xử phạt 09 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27-11-2020; Tiền sự: Chưa có; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

1.2. Họ và tên: Trần Văn N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trần Văn P và con bà Nguyễn

Thị S; Anh chị em ruột: có 07 người, N là con út; Vợ là: Hoàng Thị B, sinh năm 1974; Con là: Trần Thị T, sinh năm 1993; Tiền án: Ngày 25-9-2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-01-2019; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04-3-1994, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* và 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-8-1994; Ngày 21-12-1998, bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 26-12-2000; Ngày 24-9-2002, bị Ủy ban nhân dân tỉnh H ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 24-9-2004; Ngày 16-01-2007, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xử phạt 03 năm về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong bản án ngày 13-9-2011; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. *Có mặt*

2. Người bị hại: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1974. *Vắng mặt*
Trú tại: thôn L, xã V, huyện K, tỉnh H.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1984;
3.2. Anh Trần Văn S, sinh năm 1995;
3.3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1960.
Đều trú tại: thôn C, xã P, huyện K, tỉnh H. *Đều vắng mặt*
3.4. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1959. *Vắng mặt*
Trú tại: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H.

4. Người làm chứng trong vụ án: Bà Hà Thị T, sinh năm 1975; trú tại: thôn Y, xã V, huyện K, tỉnh H. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 00 giờ ngày 17/11/2021 Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel biển số 89E6 -9718 đi từ nhà đến khu vực đường 39A nhằm mục đích tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Hà Thị T sinh năm 1975 ở thôn Y, xã V, huyện K, T gặp Trần Văn T sinh năm 1984 là người cùng thôn nên rủ T cùng đi trộm cắp tài sản. T gửi lại chiếc xe mô tô biển số 89E6 -9718 ở cửa hàng của chị Thơm, đồng thời mượn chị 01 cánh cửa bằng sắt nhằm mục đích làm giá đỡ các tài sản trộm cắp. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 34M4 - 9184 chở T ngồi sau ôm cánh cửa sắt đi về hướng xã V được khoảng 30 mét thì bị tổ tuần tra của Công an huyện K phối hợp với Công an xã V kiểm tra phát hiện,

thu giữ 01 cánh cửa bằng sắt, 01 xe mô tô biển số 34M4 - 9184. Qúa trình làm việc với Cơ quan điều tra, T khai nhận như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 27/10/2021 T điều khiển xe mô tô biển số 89E6 - 9718 đến nhà Trần Văn N sinh năm 1973 ở thôn T, xã N, huyện K rủ N đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng. N chuẩn bị 01 chiếc xà cầy và 01 chiếc đèn pin, T điều khiển xe mô tô chở N đi qua quán nước của chị Phan Thị Đ sinh năm 1974 ở thôn L, xã V, huyện K thì dừng lại. Quan sát xung quanh không có người, T và N rủ nhau đột nhập vào quán nhà chị Đ trộm cắp tài sản. N dùng đèn pin soi, còn T dùng xà cầy cậy 02 móc khóa trên cánh cửa gỗ bên trái để đi vào trong. T và N cùng lấy 4 dây nước trà xanh không độ, 04 dây nước Sting đỏ và 04 dây nước Red bull (mỗi dây gồm 6 chai) ở trong tủ lạnh xếp vào trong 03 thùng cát tông. Sau đó, N đứng bên ngoài cảnh giới để T bê 01 lò nướng nhãn hiệu Sanaky VH3599S2d và từng thùng cát tông ra chỗ dựng xe. T để lò nướng lên khung trước xe mô tô biển số 89E6 -9718 rồi điều khiển chiếc xe trên chở N ngồi sau ôm 03 thùng cát tông đến nghĩa trang thôn N, xã T, huyện K để cất giấu. Sau khi cất giấu tài sản, T tiếp tục chở N quay lại quán nước nhà chị Đ lấy thêm 01 bếp ga đôi nhãn hiệu Namilux NA 606, 01 bình ga Anpha petrol loại 12kg, 01 thùng cát tông bên trong có 06 can tương ớt nhãn hiệu Việt Bắc loại 02 lít rồi tiếp tục chở đến nghĩa trang thôn N. Khoảng 06 giờ cùng ngày, T và N bán 03 thùng nước ngọt cho bà Đặng Thị V sinh năm 1959 ở thôn T, xã T, huyện K được 350.000 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn cho bà V 01 chai tương ớt. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T tiếp tục bán 05 can tương ớt còn lại cho một người phụ nữ lạ mặt bán bánh mỳ trên đường Quốc lộ 39A được 50.000 đồng; bán lò nướng, bếp ga và bình ga cho một người phụ nữ không rõ tên, tuổi, địa chỉ làm nghề thu mua phế liệu rong được 350.000 đồng. Số tiền có được do trộm cắp tài sản, T sử dụng để mua ma túy cho N cùng sử dụng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập N đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra N thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu ở trên. Khám xét khẩn cấp tại nhà N, Cơ quan điều tra thu giữ 01 mũ bảo hiểm 1/2 đầu màu xanh; 01 đèn pin dài bằng nhựa màu tím, trắng N khai đã sử dụng khi đi trộm cắp tài sản. Quản lý của chị Thơm 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel biển số 89E6 - 9718; quản lý của bà V 06 lon nước Redbull.

Khám nghiệm hiện trường tại quán nước của chị Phan Thị Đ, Cơ quan điều tra trích xuất 02 file video từ camera an ninh rồi lưu giữ vào 01 USB niêm phong để gửi đi giám định. Cùng ngày 17/11/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K định giá số tài sản mà T, N đã trộm cắp vào ngày 27/10/2021.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77 ngày 17/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: Tổng giá trị của các tài sản tại thời điểm ngày 27/10/2021 là: 2.289.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 22 ngày 01/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 file video gửi giám định.

Về vật chứng: Đối với 01 cánh cửa bằng sắt xác định thuộc sở hữu của chị Thơm và không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả chị Thơm. T khai đã vứt chiếc xà cầy, nhưng không nhớ rõ địa điểm; 24 chai trà xanh không độ, 24 chai nước Sting, 18 lon Redbull và 01 can tương ớt bà V đã bán và cho nhiều người nhưng không nhớ địa chỉ; 05 can tương ớt, 01 lò nướng, 01 bếp ga, 01 bình ga T đã bán cho hai người phụ nữ không rõ tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được những vật chứng trên. Đối với chiếc xe mô tô biển số 34M4 - 9184, T khai mượn của anh Trần Văn S sinh năm 1995 ở thôn C, xã P, huyện K. Quá trình điều tra xác định chiếc xe nêu trên không có dữ liệu về đặc điểm số khung, số máy nên Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe này để tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc, có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau. Đối với chiếc xe mô tô Angel biển số 89E6 -9718 thuộc sở hữu của bà Trần Thị P sinh năm 1960 ở thôn C, xã P, huyện K đã cho T mượn nhưng không biết T dùng xe để đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chiếc xe này cùng với 01 đèn pin, 01 mũ bảo hiểm để chờ xử lý.

Cáo trạng số 23/CT-VKS-KC ngày 25-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố: bị cáo Nguyễn Thành T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Trần Văn N theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với cả 02 bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N đều phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với bị cáo T); căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với bị cáo N); xử phạt: Nguyễn Thành T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam 17-11-2021; Trần Văn N từ 01 năm 06

tháng đến 01 năm 09 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam 17-11-2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo. Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu cho tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm loại ½ đầu màu xanh và 01 đèn pin; Trả lại cho bà Trần Thị P 01 chiếc xe mô tô Angel, biển số 89E6-9718. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 357, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc Nguyễn Thành T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải trả lại cho bà Phan Thị Đ số tiền là 1.000.000đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của cả ba bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác, thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 27/10/2021, Nguyễn Thành T và Trần Văn N đã có hành vi trộm cắp 24 chai nước trà xanh không độ, 24 chai nước Sting, 24 lon nước Redbull, 06 can tương ớt Việt Bắc, 01 lò nướng nhãn hiệu Sanaky, 01 bếp ga đôi nhãn hiệu Namilux NA 606, 01 vỏ bình ga Anpha petrol, có tổng trị giá là 2.289.000đ *(Hai triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng)* của bà Phan Thị Đ, sinh năm 1974 ở thôn L, xã V, huyện K, tỉnh H.

Với Nguyễn Thành T đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên với hành vi nêu trên của Nguyễn Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Với hành vi nêu trên của Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Thành T và Trần Văn N theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 23/CT-VKS-KC ngày 25-01-2022 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Cả các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

Đối với chị Hà Thị T khi cho mượn cánh cổng sắt không biết ý định của T và T; bà Đặng Thị V khi mua các chai nước ngọt và nhận 01 can tương ớt của T và N không biết tài sản này do trộm cắp mà có; bà P không biết T sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xem xét, xử lý. Đối với 2 người phụ nữ đã mua tương ớt, bếp ga, lò nướng của T; 02 người đàn ông bán ma túy cho T, do không rõ tên, tuổi địa chỉ nên có căn cứ xác minh, xử lý. Đối với hành vi của T và T vào ngày 17/11/2021: quá trình điều tra xác định T và T chưa trộm cắp được tài sản gì cũng không xác định sẽ trộm cắp tài sản của ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý đối với T, T.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

3.1.Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện việc cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, nhiều lần bị kết án nhưng các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

3.2. Về vai trò: Vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, bị cáo Nguyễn Thành T là người rủ rê và cùng Trần Văn N trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên T giữ vai trò chính trong vụ án, N là đồng phạm trong vụ án.

3.3. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Thành T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Trần Văn N đã bị kết án, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.4. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của cả hai bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự, tài sản do các bị cáo trộm cắp là 24 chai nước trà xanh không độ, 24 chai nước Sting, 24 lon nước Redbull, 06 can tương ớt Việt Bắc, 01 lò nướng nhãn hiệu Sanaky, 01 bếp ga đôi nhãn hiệu Namilux NA 606, 01 vỏ bình ga Anpha petrol là tài sản thuộc sở hữu của bà Phan Thị Đ; Cơ quan điều tra đã thu của bà V 06 lon nước Red Bull và trả lại cho chị Đ , bà V không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho bà giá trị 03 thùng nước bà đã mua của các bị cáo nên không đặt ra giải quyết; chị Đ yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho chị số tiền 2.000.000đ là có căn cứ, được chấp nhận; Do các bị cáo có lỗi ngang nhau nên cần buộc các bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường trả lại cho bà Đ giá trị tài sản bị mất chưa thu hồi được là 2.000.000đ, **c**hia theo tỷ lệ buộc T và N mỗi bị cáo phải trả lại cho bà Phan Thị Đ, số tiền là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*.

[6]. Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vật chứng được xử lý như sau:

- 01 chiếc mũ bảo hiểm loại ½ đầu màu xanh, hiện không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy;

- 01 chiếc đèn pin dài khoảng 17cm bằng nhựa màu tím-trắng, xác đinh các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy;

- 01 chiếc xe mô tô Angel, biển số 89E6-9718, các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị P, bà P không có lỗi nên trả lại cho bà P;

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Nguyễn Thành T);

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Trần Văn N);

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N đều phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Nguyễn Thành T 03 *(ba)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-11-2021.

Xử phạt: Trần Văn N 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-11-2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 357, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Nguyễn Thành T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải trả lại cho bà Phan Thị Đ, sinh năm 1974 ở thôn L, xã V, huyện K, tỉnh H, số tiền là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

4. Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm loại ½ đầu màu xanh và 01 đèn pin dài khoảng 17cm bằng nhựa màu tím-trắng;

- Trả lại cho bà Trần Thị P, sinh năm 1960 ở thôn C, xã P, huyện K, tỉnh H 01 chiếc xe mô tô Angel, biển số 89E6-9718;

(Chủng loại, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11-02-2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thành T và Trần Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-3-2022). Bị hại *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh H;
- VKS, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND các xã (P, N, T, V);
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn H